

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Bản án số: 28/2019/DS-ST

Ngày: 08-8-2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thúy Lan

2. Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2019/TLST-DS ngày 17/4/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-DS ngày 03/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thái L, sinh năm 1989; Thường trú: Tổ 3, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; địa chỉ: Lô 45, đường N2, khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn T, sinh năm 1990; Thường trú: Số 1181/6A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Văn Ph, sinh năm 1985; Thường trú: Số 1181/6A, khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

4. *Người làm chứng:* Ông Nguyễn Thái V, sinh năm 1992; thường trú: Tổ 3, ấp P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Thái L trình bày:

Ngày 16/8/2018 ông Nguyễn Thái L cho ông Bùi Văn T vay số tiền 2.000.000.000 (hai tỷ) đồng, không có lãi suất, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày 16/8/2018 đến ngày 20/8/2018 ông T phải trả số tiền trên cho ông L. Ông

T có giao cho ông L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Bùi Văn Ch (bố của ông T), địa chỉ 1181/6A khu phố Đ, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương, hẹn nêu không trả được sẽ phát mãi tài sản để trả tiền cho ông L. Toàn bộ nội dung được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 16/8/2018 do ông T viết, có ông Nguyễn Thái V chứng kiến và ký tên làm chứng, hai bên cùng ký tên lẫn tay. Ông L giữ giấy vay tiền. Ngay khi ký giấy vay tiền ông L đã giao đủ 2.000.000.000 đồng tiền mặt cho ông T trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Thái V và ông T đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L. Số tiền cho ông T vay là tiền của cá nhân ông L.

Ngày 20/8/2018 ông T không trả được tiền nên đến ngày 24/8/2018, ông T lập cho ông L 01 giấy cam kết trong đó thừa nhận: có nợ ông L 2.000.000.000 đồng hẹn 20/8/2018 trả nhưng không thực hiện được nên cam đoan đến ngày 29/8/2018 ông T sẽ cùng gia đình khắc phục đủ 2.000.000.000 đồng trả cho ông L. Khi lập giấy không có ai làm chứng. Ông L và ông T cùng ký tên vào giấy cam kết. Ông L giữ giấy cam kết này.

Ngày 27/8/2018, ông L có viết 01 giấy nhận sổ đỏ với nội dung: trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Ch cho ông Bùi Văn Tr là anh họ của ông T, ông Tr nhận giấy và hiện nay đã giao lại ông Ch.

Ngày 29/8/2018, ông L có liên lạc với ông T nhưng không được. Ngày 24/11/2018, ông Bùi Văn Ph là anh ruột của ông T đã giao trực tiếp cho ông L số tiền 1.620.000.000 đồng và lập biên bản giao nhận tiền, trong giấy ghi mục đích giao nhận tiền là trả tiền vay nợ cho em Bùi Văn T. Số tiền ông Ph giao cho ông T là tiền của ai ông T không biết. Hai bên ký tên lẫn tay vào biên bản trên. Giấy này được lập thành hai bản, ông T và ông Ph mỗi người giữ 01 bản. Sau khi nhận tiền, ông L có ghi vào phía sau giấy vay tiền ngày 16/8/2018 nội dung: ngày 24/11/2018, ông L đã nhận lại 1.620.000.000 đồng của ông T trả, số tiền còn nợ lại 380.000.000 đồng. Từ đó đến nay, ông T không trả thêm được khoản tiền nào.

Nay ông Nguyễn Thái L yêu cầu ông Bùi Văn T trả số tiền còn nợ là 380.000.000 đồng. Không yêu cầu tính tiền lãi.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Bản phô tô đối chiếu bản chính giấy vay tiền ngày 16/8/2018; Bản phô tô đối chiếu bản chính giấy cam kết ngày 24/8/2018; Bản phô tô đối chiếu bản chính giấy nhận sổ đỏ ngày 27/8/2018; Bản phô tô đối chiếu bản chính biên bản giao, nhận tiền ngày 24/11/2018.

- Đối với bị đơn ông Bùi Văn T: đã được Toà án thông báo tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông Bùi Văn T không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, không có yêu cầu phản tố nào, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Ph trình bày: Ông Bùi Văn Ph là anh trai của ông Bùi Văn T, ông T hiện nay chưa có vợ con. Ông Ph không biết việc vay tiền giữa ông L và ông T, tuy nhiên, ông T có dùng số tiền của mình là 1.620.000.000

đồng nhờ ông Ph trực tiếp trả cho ông L, hai bên có lập biên bản giao nhận tiền ngày 24/11/2018. Vì vậy ông Ph xác định không liên quan gì đến số tiền vay giữa hai bên. Ngoài ra ông Ph không có yêu cầu độc lập nào, không cung cấp chứng cứ gì thêm.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/6/2019, người làm chứng ông Nguyễn Thái V trình bày: Ông V là em trai của ông Nguyễn Thái L. Ông L có cho ông Bùi Văn T vay số tiền 2.000.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, hẹn 05 ngày ông T sẽ trả tiền cho ông L, hai bên có lập giấy vay tiền, cùng ký tên lẫn tay và ông V ký tên làm chứng, ngoài ra không còn ai làm chứng. Ngay sau khi lập giấy vay, ông L đưa trực tiếp 2.000.000.000 đồng cho ông T và ông T giao cho ông L 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình để đảm bảo cho việc vay tiền. Hiện nay, ông T đã trả được cho ông L số tiền 1.620.000.000 đồng, còn nợ 380.000.000 đồng. Ông L đã trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại cho gia đình ông T.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019, ông Bùi Văn Ch xác nhận là cha của ông Bùi Văn Ph, ông Bùi Văn T, ông đã nhận lại 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông từ ông Nguyễn Thái L vào ngày 27/8/2018, ông không liên quan đến việc vay nợ giữa ông L và ông T. Căn cứ giấy xác nhận ngày 14/6/2019, bà Nguyễn Thị Mỹ Tr là vợ của ông Nguyễn Thái L. Số tiền ông L cho ông T mượn là tiền của cá nhân ông L, không phải là tài sản chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án không đưa ông Bùi Văn Ch và bà Nguyễn Thị Mỹ Tr vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Thái L, người làm chứng ông Nguyễn Thái V có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Bùi Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 19/7/2019, ngày 08/8/2019 nhưng ông Bùi Văn T, ông Bùi Văn Ph không đến. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thái L, ông Nguyễn Thái V, ông Bùi Văn T, ông Bùi Văn Ph. Việc giải

quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn ông Nguyễn Thái L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T trả số tiền 380.000.000 (Ba trăm tám mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[3] Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là bản phô tô được tòa án đối chiếu bản chính giấy vay tiền ngày 16/8/2018 và bản phô tô đã được tòa án đối chiếu bản chính giấy cam kết ngày 24/8/2018 do ông Bùi Văn T viết, có chữ ký của ông Bùi Văn T, trong đó ông T thừa nhận có nhận của ông L số tiền 2.000.000.000 đồng, điều này phù hợp với lời trình bày của người làm chứng ông Nguyễn Thái V. Ông T cam kết đến ngày 20/8/2018 sẽ trả hết cho ông L số tiền trên, tuy nhiên đến ngày 20/8/2018 ông T không trả được.

Căn cứ vào bản phô tô được tòa án đối chiếu bản chính biên bản giao, nhận tiền ngày 24/11/2018 do nguyên đơn xuất trình có nội dung ông Bùi Văn Ph giao cho ông L số tiền 1.620.000.000 đồng mà theo ông Ph trình bày là tiền ông T đưa cho mình với mục đích để trả tiền vay ông T nợ ông L, từ đó đến nay, ông T không trả thêm được khoản tiền nào. Như vậy, giữa ông T và ông L có quan hệ vay mượn tiền và ông T đã vi phạm điều kiện thỏa thuận thanh toán giữa hai bên, sau đó đã trả được 1.620.000.000 đồng nên còn nợ lại ông L số tiền 380.000.000 đồng.

[4] Xét thấy quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt và không xuất trình được chứng cứ gì về số tiền nợ cũng như không có bất kỳ ý kiến nào về việc không thừa nhận chữ ký và chữ viết trong các giấy tờ là của bị đơn. Do đó, ông L khởi kiện yêu cầu ông T hoàn trả số tiền 380.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Trong giấy vay tiền ngày 16/8/2018, ông T có giao cho ông L 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Vũ Thị Th cập nhật tên ông Bùi Văn Ch, số tờ 03, số thửa 199C. Ngày 27/8/2018, ông L đã trả giấy chứng nhận trên cho ông Bùi Văn Ch theo tờ giấy nhận sổ đỏ do ông Bùi Văn Tr ký tên nhận thay ông Ch. Điều này được ông Ch thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 30/5/2019. Do đó, Tòa án không xem xét đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

[6] Trong giấy vay tiền và giấy cam kết giữa hai bên không thỏa thuận về tiền lãi. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn cũng không yêu cầu tính tiền lãi, vì vậy Tòa án không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 229, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thái L đối với bị đơn ông Bùi Văn T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Bùi Văn T có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Thái L số tiền 380.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày 09/8/2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Văn T phải chịu 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng).

Trả lại cho ông Nguyễn Thái L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0028419 ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Dung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN– CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Tâm Dương Thanh Quý

Phan Thị Mỹ Dung

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 17 tháng 7 năm 2019.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Thanh Quý và ông Nguyễn Chí Tâm.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 101/2019/TLST-DS ngày 27/3/2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Liên.

Bị đơn: Ông Trần Văn An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liên đối với bị đơn ông Trần Văn An về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Trần Văn An có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Liên số tiền 535.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn An phải chịu 25.400.000 đồng (hai mươi lăm triệu bốn trăm nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Liên toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 12.700.000 đồng (Mười hai triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0028279 ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Kết quả biểu quyết 3/3.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Chí Tâm

Dương Thanh Quý

Phan Thị Mỹ Dung